



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

8. DUSSĪLAPAÑHO

1. **“Bhante nāgasena, gihidussīlassa ca samaṇadussīlassa ca ko viseso? Kiṃ nānākaraṇaṃ? Ubhomete samasamagatikā? Ubhinnampi samasamo vipāko hoti? Udāhu kiñci nānākaraṇaṃ atthī ”ti?**

“Dasa ime mahārāja guṇā samaṇadussīlassa gihidussīlato visesena atirekā. Dasahi ca kāraṇehi uttariṃ dakkhiṇaṃ visodheti. Katame dasa guṇā samaṇadussīlassa gihidussīlato visesena atirekā?

Idha mahārāja samaṇadussīlo buddhe sagāravo hoti, dhamme sagāravo hoti, saṅghe sagāravo hoti, sabrahmacārīsu sagāravo hoti, uddesa-paripucchāya vāyamati, savaṇabahulo hoti, bhinnasīlo ’pi mahārāja dussīlo parisagato ākappaṃ upaṭṭhapeti, garahabhayā kāyikaṃ vācasikaṃ rakkhati, padhānābhimukhamassa¹ hoti cittaṃ, bhikkhusāmaññaṃ upagato hoti. Karonto ’pi mahārāja samaṇadussīlo pāpaṃ paṭicchannaṃ āvarati.² Yathā mahārāja itthī sapatikā niliyitvā rahasseneva pāpamāvarati, evameva kho mahārāja karonto ’pi samaṇadussīlo pāpaṃ paṭicchannaṃ āvarati. Ime kho mahārāja dasa guṇā samaṇadussīlassa gihidussīlato visesena atirekā.

2. Katamehi dasahi kāraṇehi uttariṃ dakkhiṇaṃ visodheti? Avajja³-kavaca-dhāraṇatāyapi dakkhiṇaṃ visodheti, isi-sāmañña-bhaṇḍuliṅga-dhāraṇato ’pi dakkhiṇaṃ visodheti, saṅghasamayamanupaviṭṭhatāyapi dakkhiṇaṃ visodheti, buddhadhammasaṅghasaraṇagatatāyapi dakkhiṇaṃ visodheti, padhānāsayaniketavāsītāyapi dakkhiṇaṃ visodheti, jinasāsana-dhana⁴pariyesanato ’pi dakkhiṇaṃ visodheti, pavaradhammadesanato ’pi dakkhiṇaṃ visodheti, dhammadīpagatiparāyaṇatāyapi dakkhiṇaṃ visodheti. ‘Aggo buddho ’ti ekanta-ujudiṭṭhitāyapi dakkhiṇaṃ visodheti, uposathasamādānato ’pi dakkhiṇaṃ visodheti. Imehi kho mahārāja dasahi kāraṇehi uttariṃ dakkhiṇaṃ visodheti.

Suvipanno ’pi mahārāja samaṇadussīlo dāyakānaṃ dakkhiṇaṃ visodheti. Yathā mahārāja udakaṃ subahalampi kalalakaddamarajollaṃ apaneti, evameva kho mahārāja suvipanno ’pi samaṇadussīlo dāyakānaṃ dakkhiṇaṃ visodheti.

¹ padhānābhimukhañcassa - Ma.

² ācarati - Ma, PTS.

³ anavajja - Ma; avajjha - PTS.

⁴ jinasāsanadhara^o - Ma.

8. CÂU HỎI VỀ GIỚI HẠNH TÔI:

1. “Thưa ngài Nāgasena, cái gì là sự phân biệt giữa người tại gia phá giới¹ và của Sa-môn phá giới? Cái gì là sự khác biệt? Có phải cả hai hạng này đều có cảnh giới tái sanh giống nhau? Có phải cả hai đều có quả thành tựu giống nhau? Hay là có cái gì đó khác nhau?”

“Tâu đại vương, mười đức tính này của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới. Và sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do. Mười đức tính nào của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới?”

Tâu đại vương, ở đây vị Sa-môn phá giới có sự tôn kính đức Phật; có sự tôn kính Giáo Pháp; có sự tôn kính Hội Chúng; có sự tôn kính những vị hành Phạm hạnh; ra sức trong việc đọc tụng và học hỏi; có nhiều sự lắng nghe (đưa vấn); tâu đại vương, vị có giới bị hỏng, có giới tồi, đi đến tập thể cũng thể hiện tư cách; gìn giữ thân khẩu vì sợ sự chê trách; tâm của vị này có sự hướng đến việc nỗ lực; đã đến gần bản thể Sa-môn của vị tỳ khưu; tâu đại vương, trong khi làm điều ác vị Sa-môn phá giới thực hiện một cách giấu diếm. Tâu đại vương, giống như người nữ có chồng lén lút rồi thực hiện việc sai quấy một cách vô cùng bí mật. Tâu đại vương, tương tự y như thế trong khi làm điều ác vị Sa-môn phá giới thực hiện một cách giấu diếm. Tâu đại vương, mười đức tính này của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới.

2. Sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do nào? Sự cúng dường được trong sạch do việc mang lớp vỏ bọc không tội lỗi; sự cúng dường được trong sạch do việc mang đặc điểm đầu cạo tóc, là biểu hiện sa-môn của ẩn sĩ; sự cúng dường được trong sạch do việc đã tham gia vào cuộc hội họp của Hội Chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đi đến nương nhờ đức Phật, Giáo Pháp, và Hội Chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đã cư ngụ ở tập thể có khuynh hướng nỗ lực; sự cúng dường được trong sạch do việc tâm cầu tài sản Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng; sự cúng dường được trong sạch do việc thuyết giảng Giáo Pháp cao quý; sự cúng dường được trong sạch vì mục đích tối hậu là việc đi đến hòn đảo Giáo Pháp; sự cúng dường được trong sạch do có quan điểm hoàn toàn chánh trực về: ‘Đức Phật là cao cả;’ sự cúng dường được trong sạch do việc thọ trì ngày *Uposatha*. Tâu đại vương, sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do này.

Tâu đại vương, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu đại vương, giống như nước, mặc dầu sền sệt, cũng tẩy sạch bùn, lầy, bụi bặm, vết dơ. Tâu đại vương, tương tự y như thế vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ.

¹ Lẽ ra nên dịch là ‘người tại gia có giới hạnh tồi’ và Sa-môn có giới hạnh tồi (ND).

Yathā vā pana mahārāja uṇhodakaṃ sukāṭhitampi¹ pajjalantaṃ mahantaṃ aggikkhandhaṃ nibbāpeti, evameva kho mahārāja suvipanno 'pi samaṇadussīlo dāyakānaṃ dakkhiṇaṃ visodheti.

Yathā vā pana mahārāja bhojanaṃ virasampi khudādubbalyaṃ apaneti, evameva kho mahārāja suvipanno 'pi samaṇadussīlo dāyakānaṃ dakkhiṇaṃ visodheti.

Bhāsitaṃpettaṃ mahārāja bhagavatā devātidevena² majjhimanikāya-varalañchake dakkhiṇāvibhaṅge veyyākaraṇe:

**'Yo sīlavā dussīlesu dadāti dānaṃ
dhammena laddhaṃ supasannacitto,
abhisaddahaṃ kammaphalaṃ uḷāraṃ
sā dakkhiṇā dāyakato visujjhatī** ”ti.

3. “Acchariyaṃ bhante nāgasena! Abbhutaṃ bhante nāgasena! Yāvatakaṃ³ mayaṃ pañhaṃ apucchimha, taṃ tvaṃ opammehi kāraṇehi vibhāvento amatamadhuraṃ savaṇūpagaṃ akāsi. Yathā nāma bhante sūdo vā sūdantevāsī vā tāvatakaṃ maṃsaṃ labhitvā nānāvidhehi sambhārehi sampādetvā rājūpabhogaṃ karoti, evameva kho bhante nāgasena yāvatakaṃ¹ mayaṃ pañhaṃ apucchimha, taṃ tvaṃ opammehi kāraṇehi vibhāvetvā amatamadhuraṃ savaṇūpagaṃ akāsi ”ti.

Dussīlapañho aṭṭhamo.

¹ sukudhitampi - Ma.

² tathāgatena devātidevena - Ma; devātidevena - PTS.

³ tāvatakaṃ - Ma, PTS.

Tầu đại vương, hoặc là giống như nước nóng, mặc dầu đã được đun sôi dữ dội, cũng dập tắt được đám lửa lớn đang bốc cháy. Tầu đại vương, tương tự y như thế vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ.

Tầu đại vương, hoặc là giống như thức ăn, mặc dầu vô vị, cũng xua đi sự suy nhược vì cơn đói. Tầu đại vương, tương tự y như thế vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ.

Tầu đại vương. điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời vượt trội các vị Trời, nói đến ở lời giải thích về sự phân loại cúng dường ở đoạn *Varalañchaka* (Dấu Ấn Cao Quý) thuộc *Majjhimanikāya* (Trung Bộ) rằng:

‘Người nào có giới hạnh dâm cúng vật thí (do của cải) đã đạt được hợp pháp đến những kẻ có giới hạnh tội với tâm khéo tịnh tín, trong khi có đức tin thì quả của nghiệp là lớn lao; sự cúng dường ấy được trong sạch về phía người thí chủ.’

3. “Thưa ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa ngài Nāgasena, thật là phi thường! Chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chùng ấy, thì ngài, trong khi giải thích nó bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, đã khiến cho vị ngọt của Bất Tử được lắng nghe. Thưa ngài, giống như người đầu bếp hoặc học trò của người đầu bếp, sau khi nhận được chùng ấy thịt thì đã sửa soạn với nhiều vật liệu các loại khác nhau, rồi làm ra món ăn cho đức vua. Thưa ngài Nāgasena, tương tự y như thế chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chùng ấy, thì ngài đã khi giải thích nó bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, và đã khiến cho vị ngọt của Bất Tử được lắng nghe.”

Câu hỏi về giới hạnh tội là thứ tám.
